

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TPHCM

Trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Người thực hiện công bố thông tin: ông Huỳnh Trí Dũng

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (08) 38 536 883

Fax:

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh công bố thông tin về Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 13 tháng 04 năm 2017

Người thực hiện công bố thông tin  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Huỳnh Trí Dũng**



**EY**

Building a better  
working world

**Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng  
Thành phố Hồ Chí Minh**

(trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng công cộng  
Thành phố Hồ Chí Minh)

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 (ngày được cấp Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp Cổ phần lần đầu) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

# Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 28

# Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty"), trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300423479 điều chỉnh lần 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 7 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là hoạt động công ích, quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông; camera quan sát; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; lắp đặt hệ thống điện, sản xuất thiết bị chiếu sáng và các hoạt động kinh doanh khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 121, Đường Châu Văn Liêm, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hưng Út	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016
Ông Lê Mạnh Thường	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016
Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Liễu	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Tấn Phong	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Nam Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2016

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Trí Dũng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2016
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2016
Ông Dương Chí Nam	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2016

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Huỳnh Trí Dũng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 (ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Cổ phần lần đầu) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 (ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Cổ phần lần đầu) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Huỳnh Trí Dũng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 4 năm 2017

Số tham chiếu: 61328335/19151763

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chiêu sáng công cộng  
Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chiêu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiêu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh) được lập ngày 11 tháng 4 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 (ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Cổ phần lần đầu) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### ***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Như được trình bày tại Thuyết minh số 5 của báo cáo tài chính, bao gồm trong khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng là các khoản phải thu tồn đọng lâu với số tiền là 5.916.387.876 VND. Chúng tôi không thu thập được đối chiếu công nợ hay bằng các thủ tục thay thế khác để xác định liệu có cần điều chỉnh đối với số dư phải thu ngắn hạn của các khách hàng này vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, liên quan đến tính hiện hữu cũng như khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19.1 của báo cáo tài chính, Công ty đã điều chỉnh giảm doanh thu và các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 6.766.833.121 VND theo các Thông báo từ Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh, quyết toán phần doanh thu mà Công ty đã thực hiện trong những kỳ trước. Tuy nhiên, các thông báo này được gửi trực tiếp cho chủ đầu tư và phê duyệt vào ngày 30 tháng 12 năm 2015 và trong sáu tháng đầu năm 2016. Theo đó, phần doanh thu nêu trên cần được điều chỉnh vào kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Nếu Công ty thực hiện việc điều chỉnh phần doanh thu được quyết toán nêu trên đúng kỳ thì doanh thu và lợi nhuận trước thuế cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng lên với số tiền là 6.766.833.121 VND, đồng thời phải thu ngắn hạn của khách hàng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

### ***Ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 (ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Cổ phần lần đầu) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### ***Các vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 9 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa trong vòng 10 năm kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 theo hướng dẫn của Thông tư số 127/2014/TT-BTC (“Thông tư 127”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014, hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Tuy nhiên, việc phân bổ như trên khác biệt với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”). Theo hướng dẫn của Thông tư 200, lợi thế kinh doanh này được phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.3 của báo cáo tài chính. Vào ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa được quyết toán chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 từ các cơ quan có thẩm quyền theo như quy định tại Thông tư 127. Do đó, số dư đầu kỳ chưa bao gồm ảnh hưởng của các điều chỉnh cần thiết nếu có.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 14 của báo cáo tài chính. Vào ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa nhận được phê duyệt quỹ tiền lương cho viên chức quản lý và người lao động từ các cơ quan có thẩm quyền.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ về báo cáo tài chính đó vào ngày 20 tháng 8 năm 2016, liên quan đến việc quỹ tiền lương của Công ty chưa được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Công ty đã áp dụng quy định của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 (ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Cổ phần lần đầu) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, là kỳ kế toán đầu tiên sau khi doanh nghiệp chuyển đổi hình thức từ công ty Nhà nước thành công ty cổ phần. Do đó, các dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, là giai đoạn từ ngày xác định giá trị doanh nghiệp đến ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần, như được trình bày là không so sánh được với các dữ liệu của kỳ hiện tại.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 0426-2013-004-1

Đặng Minh Tài  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2815-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 4 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>402.259.582.696</b>	<b>320.696.930.048</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>126.958.167.721</b>	<b>191.122.435.336</b>
111	1. Tiền		35.545.087.457	134.733.693.059
112	2. Các khoản tương đương tiền		91.413.080.264	56.388.742.277
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>206.187.030.644</b>	<b>82.284.023.918</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	152.527.336.419	25.693.501.710
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.135.142.884	1.736.115.207
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	51.182.265.137	54.854.407.001
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(657.713.796)	-
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>57.047.053.698</b>	<b>39.793.548.782</b>
141	1. Hàng tồn kho		58.391.782.416	39.793.548.782
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.344.728.718)	-
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.067.330.633</b>	<b>7.496.922.012</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	199.296.484
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	627.245.841	276.668.424
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	11.440.084.792	7.020.957.104
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>121.665.504.343</b>	<b>173.119.794.782</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>44.112.311.049</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	44.112.311.049
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>37.902.320.540</b>	<b>42.254.482.390</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	37.902.320.540	42.254.482.390
222	Nguyên giá		75.667.669.891	76.781.422.286
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(37.765.349.351)	(34.526.939.896)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>83.763.183.803</b>	<b>86.753.001.343</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	83.763.183.803	86.753.001.343
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>523.925.087.039</b>	<b>493.816.724.830</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>222.739.579.269</b>	<b>188.422.869.138</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>222.739.579.269</b>	<b>188.422.869.138</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	63.372.452.755	26.550.405.501
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	680.732.936	917.512.167
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	441.705.152	6.064.238.014
314	4. Phải trả người lao động	14	90.908.620.739	55.142.520.975
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.012.542.311	2.627.104.148
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	37.731.885.365	67.648.126.620
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	23.591.640.011	29.472.961.713
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>301.185.507.770</b>	<b>305.393.855.692</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18.1</b>	<b>298.232.309.026</b>	<b>302.440.656.948</b>
411	1. Vốn cổ phần đã góp		284.000.000.000	284.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		284.000.000.000	284.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.232.309.026	14.232.309.026
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	4.208.347.922
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí</b>		<b>2.953.198.744</b>	<b>2.953.198.744</b>
431	1. Nguồn kinh phí		2.953.198.744	2.953.198.744
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>523.925.087.039</b>	<b>493.816.724.830</b>

  
Trương Thị Thùy Ngân  
Người lập

  
Nguyễn Thị Xuân Đông  
Phụ trách kế toán

  
Huỳnh Trí Dũng  
Tổng Giám đốc



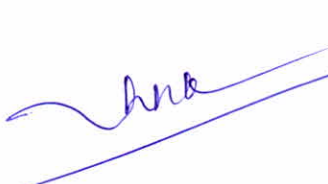
Ngày 11 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	217.795.516.044	447.302.323.105
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(175.582.996.440)	(308.770.594.354)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.212.519.604	138.531.728.751
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	2.861.381.462	9.065.552.353
26	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(43.278.906.058)	(84.376.805.024)
30	6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.794.995.008	63.220.476.080
31	7. Thu nhập khác		1.472.735.216	2.115.902.320
32	8. Chi phí khác		(474.725.483)	(1.727.205.780)
40	9. Lợi nhuận khác		998.009.733	388.696.540
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.793.004.741	63.609.172.620
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(581.012.312)	(13.563.504.109)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.211.992.429	50.045.668.511

  
 Trương Thị Thùy Ngân  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Xuân Đông  
 Phụ trách kế toán



  
 Huỳnh Trí Dũng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 4 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

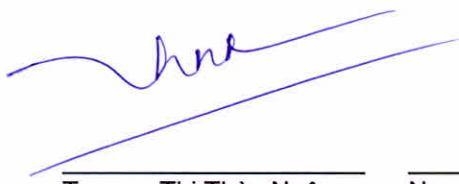
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		141.023.938.170	585.384.472.565
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(99.642.548.244)	(208.058.464.554)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(51.256.210.340)	(188.342.139.980)
05	Tiền chi nộp thuế TNDN		(5.000.140.000)	(30.615.606.321)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		877.127.527	259.637.952.108
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(52.508.725.950)	(352.240.832.890)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(66.506.558.837)</b>	<b>65.765.380.928</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		-	(383.530.000)
27	Lãi tiền gửi		2.342.291.222	8.396.280.018
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>2.342.291.222</b>	<b>8.012.750.018</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Lợi nhuận đã trả		-	(95.258.460.114)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>(95.258.460.114)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(64.164.267.615)	(21.480.329.168)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		191.122.435.336	212.602.764.504
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	126.958.167.721	191.122.435.336



Trương Thị Thùy Ngân  
Người lập



Nguyễn Thị Xuân Đông  
Phụ trách kế toán




Huỳnh Trí Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 4 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”), trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300423479 điều chỉnh lần 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 7 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là hoạt động công ích, quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông; camera quan sát; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; lắp đặt hệ thống điện, sản xuất thiết bị chiếu sáng và các hoạt động kinh doanh khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số 121, Đường Châu Văn Liêm, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 459 (ngày 30 tháng 6 năm 2016: 491).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty được chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 7 năm 2016, do vậy kỳ kế toán đầu tiên của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kỳ kế toán tiếp theo bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa nhận được biên bản kiểm tra báo cáo tài chính giai đoạn quyết toán chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**2.5 Dữ liệu tương ứng**

Như trình bày ở trên, Công ty được chính thức chuyển đổi hình thức thành công ty cổ phần kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2016. Do vậy, theo quy định của Thông tư 200 về việc lập và trình bày báo cáo tài chính khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, kỳ kế toán hiện hành của Công ty áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính này bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Theo đó, các dữ liệu tương ứng của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (là giai đoạn từ ngày xác định giá trị doanh nghiệp đến ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần) và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan kèm theo được lập theo quy định của Thông tư 127, được trình bày cho mục đích cung cấp thông tin và không mang tính so sánh với số liệu của kỳ hiện hành.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại, và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu - chi phí mua theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí xây dựng chung có liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

#### 3.6 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.8 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### 3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

*Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng trên bảng cân đối kế toán.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016

đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận hoặc lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tiền mặt	208.902.694	64.199.716
Tiền gửi ngân hàng	35.336.184.763	134.669.493.343
Các khoản tương đương tiền	91.413.080.264	56.388.742.277
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>126.958.167.721</b>	<b>191.122.435.336</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,8%/năm.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Ngắn hạn</b>		
Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	41.027.085.186	9.566.125.000
Khu Quản lý giao thông đô thị số 2	7.499.568.214	2.963.004.000
Khu Quản lý giao thông đô thị số 3	62.028.431.555	8.090.146.000
Khu Quản lý giao thông đô thị số 4	28.018.028.213	4.248.732.000
Khác (*)	13.954.223.251	825.494.710
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>152.527.336.419</b>	<b>25.693.501.710</b>
<b>Dài hạn</b>		
Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	-	8.175.017.380
Khu Quản lý giao thông đô thị số 2	-	1.656.648.214
Khu Quản lý giao thông đô thị số 3	-	21.781.407.322
Khu Quản lý giao thông đô thị số 4	-	2.897.256.880
Khác	-	9.601.981.253
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>44.112.311.049</b>

(\*) Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty có các khoản phải thu khách hàng tồn lâu với số tiền là 5.916.387.876 VND chưa nhận được đối chiếu công nợ.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	-	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	(657.713.796)	-
Số cuối kỳ	(657.713.796)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016  
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty TNHH TM Điện Viễn thông Minh Khoa	1.741.497.727	613.919.500
Khác	1.393.645.157	1.122.195.707
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.135.142.884</u></b>	<b><u>1.736.115.207</u></b>

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
Phải thu do vay ODA hộ (*)	33.983.501.891	33.983.501.891
Ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng	13.442.387.269	15.562.346.993
Khác	3.756.375.977	5.308.558.117
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>51.182.265.137</u></b>	<b><u>54.854.407.001</u></b>

(\*) Khoản mục phải thu này thể hiện ngân sách nhà nước cấp cho Công ty để trả nợ gốc, phí và lãi vay của dự án "Xây dựng trung tâm điều khiển hệ thống chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh" và đến ngày 10 tháng 2 năm 2017 khoản vay này đã được tất toán thể hiện qua bản thanh lý hợp đồng vay giữa Công ty và Sở Giao dịch II - Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.846.068.893	13.417.388.925
Nguyên vật liệu	19.200.150.966	24.030.030.824
Thành phẩm	253.622.857	303.217.255
Công cụ, dụng cụ	91.939.700	2.042.911.778
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>58.391.782.416</u></b>	<b><u>39.793.548.782</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.344.728.718)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>57.047.053.698</u></b>	<b><u>39.793.548.782</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	-	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	<u>(1.344.728.718)</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>(1.344.728.718)</u>	<u>-</u>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	<u>83.763.183.803</u>	<u>86.753.001.343</u>

(\*) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 6039/QĐ/UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014 kể từ 1 tháng 7 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	33.905.931.917	2.764.727.900	37.800.022.029	2.310.740.440	76.781.422.286
Mua mới	-	117.562.000	-	-	117.562.000
Thanh lý	-	-	(1.068.800.000)	(162.514.395)	(1.231.314.395)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>33.905.931.917</u>	<u>2.882.289.900</u>	<u>36.731.222.029</u>	<u>2.148.226.045</u>	<u>75.667.669.891</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.846.257.262	34.448.000	-	34.860.000	2.915.565.262
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	9.393.108.042	1.664.795.542	22.204.525.806	1.264.510.506	34.526.939.896
Khấu hao trong kỳ	800.653.652	236.790.348	3.060.935.178	343.655.774	4.442.034.952
Thanh lý	-	-	(1.041.111.102)	(162.514.395)	(1.203.625.497)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>10.193.761.694</u>	<u>1.901.585.890</u>	<u>24.224.349.882</u>	<u>1.445.651.885</u>	<u>37.765.349.351</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>24.512.823.875</u>	<u>1.099.932.358</u>	<u>15.595.496.223</u>	<u>1.046.229.934</u>	<u>42.254.482.390</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>23.712.170.223</u>	<u>980.704.010</u>	<u>12.506.872.147</u>	<u>702.574.160</u>	<u>37.902.320.540</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đại Quang Phát	10.013.873.375	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại và Xây dựng HITECH Việt Nam	9.699.342.180	2.278.098.570
Công ty Cổ phần Thiết bị Nghe nhìn Bản Sao Việt	8.286.960.000	-
Khác	35.372.277.200	24.272.306.931
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>63.372.452.755</u></b>	<b><u>26.550.405.501</u></b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299	495.000.000	495.000.000
Khác	185.732.936	422.512.167
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>680.732.936</u></b>	<b><u>917.512.167</u></b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.020.957.104	5.000.140.000	(581.012.312)	11.440.084.792
Thuế giá trị gia tăng	276.668.424	4.531.071.540	(4.180.494.123)	627.245.841
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.297.625.528</u></b>	<b><u>9.531.211.540</u></b>	<b><u>(4.761.506.435)</u></b>	<b><u>12.067.330.633</u></b>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	5.913.223.572	1.235.722.512	(6.707.240.932)	441.705.152
Thuế khác	151.014.442	-	(151.014.442)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.064.238.014</u></b>	<b><u>1.235.722.512</u></b>	<b><u>(6.858.255.374)</u></b>	<b><u>441.705.152</u></b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Khoản mục này thể hiện quỹ lương tạm trích phải trả cho người lao động theo quy định của Nghị định 53/2016/NĐ-CP, quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Trích trước chi phí công trình	<u>6.012.542.311</u>	<u>2.627.104.148</u>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
Phải trả xây dựng trung tâm điều khiển (*)	33.983.501.891	33.983.501.891
Phải nộp cấp trên quỹ đầu tư phát triển	-	20.000.000.000
Lợi nhuận phải nộp Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	-	4.550.653.922
Khác	<u>3.748.383.474</u>	<u>9.113.970.807</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>37.731.885.365</u></b>	<b><u>67.648.126.620</u></b>

(\*) Khoản mục này thể hiện khoản phải trả Sở giao dịch II- Ngân hàng Phát triển Việt Nam như trình bày tại Thuyết minh số 7.

**17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)
Số đầu kỳ	29.472.961.713	85.185.024.151
Tăng trong kỳ	2.462.648.798	31.468.396.667
Sử dụng trong kỳ	<u>(8.343.970.500)</u>	<u>(87.180.459.105)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>23.591.640.011</u></b>	<b><u>29.472.961.713</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>							
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	167.911.001.343	-	19.732.741.330	-	66.941.971	-	187.710.684.644
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	64.940.548.511	64.940.548.511
Điều chuyển sang vốn góp (*)	19.732.741.330	-	(19.732.741.330)	-	-	-	-
Tăng vốn (**)	100.607.787.566	14.232.309.026	-	-	-	-	114.840.096.592
Tăng khác	66.942.391	-	-	-	(66.941.971)	-	420
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	6.117.947.922	-	(64.940.548.511)	(58.822.600.589)
Giảm vốn (***)	(4.318.472.630)	-	-	-	-	-	(4.318.472.630)
Ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố (Thuyết minh số 25)	-	-	-	(1.909.600.000)	-	-	(1.909.600.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>284.000.000.000</u>	<u>14.232.309.026</u>	<u>-</u>	<u>4.208.347.922</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>302.440.656.948</u>
<b>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>							
Ngày 1 tháng 7 năm 2016 (được trình bày trước đây)	284.000.000.000	14.232.309.026	-	6.117.947.922	-	-	304.350.256.948
Điều chỉnh hồi tố	-	-	-	(1.909.600.000)	-	-	(1.909.600.000)
Đã trình bày lại (Thuyết minh số 25)	284.000.000.000	14.232.309.026	-	4.208.347.922	-	-	302.440.656.948
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	2.211.992.429	2.211.992.429
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (****)	-	-	-	-	-	(2.211.992.429)	(2.211.992.429)
Chuyển quỹ đầu tư phát triển về cơ quan chủ quản	-	-	-	(4.208.347.922)	-	-	(4.208.347.922)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>284.000.000.000</u>	<u>14.232.309.026</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>298.232.309.026</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

- (\*) Theo Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 183.392.212.434 VND. Theo đó, khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản số tiền là 19.732.741.330 VND được điều chuyển sang vốn đầu tư chủ sở hữu.
- (\*\*) Theo Quyết định số 6770/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, vốn điều lệ của Công ty khi cổ phần hóa là 284.000.000.000 VND. Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 183.392.212.434 VND theo Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, giá trị cổ phần cần phát hành thêm để đủ vốn điều lệ là 100.607.787.566 VND.
- (\*\*\*) Phần giảm vốn đầu tư chủ sở hữu liên quan đến phần tài sản loại trừ không đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp phải trả Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.
- (\*\*\*\*) Trong kỳ, Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo phê duyệt của chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**18.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</u>			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Số tiền</i>	<i>%</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	14.484.000	144.840.000.000	51%	144.840.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	13.916.000	139.160.000.000	49%	139.160.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.400.000</b>	<b>284.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>284.000.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Doanh thu từ các công trình xây lắp (*)	217.145.763.336	444.814.132.422
Khác	649.752.708	2.488.190.683
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>217.795.516.044</u></b>	<b><u>447.302.323.105</u></b>

(\*) Doanh thu các công trình xây lắp bao gồm khoản điều chỉnh giảm doanh thu với số tiền là 6.766.833.121 VND theo các Thông báo từ Sở Giao thông Vận tải quyết toán phần doanh thu mà Công ty đã thực hiện trong những kỳ trước, được phê duyệt trong kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền gửi	2.600.981.669	9.065.552.353
Khác	260.399.793	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.861.381.462</u></b>	<b><u>9.065.552.353</u></b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)</i>
Giá vốn các công trình thi công xây lắp	173.742.413.554	306.823.548.376
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.344.728.718	-
Khác	495.854.168	1.947.045.978
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>175.582.996.440</u></b>	<b><u>308.770.594.354</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại – Thuyết minh số 25)</i>
Chi phí nhân viên	22.149.379.241	45.377.043.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.805.189.113	24.161.676.421
Dự phòng phải thu khó đòi	657.713.796	-
Chi phí khấu hao	1.306.267.032	2.581.350.626
Khác	9.360.356.876	12.256.734.432
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.278.906.058</u></b>	<b><u>84.376.805.024</u></b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên vật liệu	121.682.664.758	157.314.257.312
Chi phí nhân viên	96.661.441.503	194.612.530.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.003.766.176	32.071.567.431
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 10)	4.442.034.952	7.349.573.962
Chi phí dự phòng	2.002.442.514	-
Khác	11.050.678.241	13.797.448.650
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>253.843.028.144</u></b>	<b><u>405.145.377.955</u></b>

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**23.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại – Thuyết minh số 25)</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	468.955.494	13.563.504.109
Chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	112.056.818	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>581.012.312</u></b>	<b><u>13.563.504.109</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Điều chỉnh lại - Thuyết minh số 25)</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.793.004.741</b>	<b>63.609.172.620</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	558.600.948	13.563.504.109
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	112.056.818	-
Điều chỉnh khác	(89.645.454)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>581.012.312</b>	<b>13.563.504.109</b>

**23.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thù lao và lương của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thù lao và lương	2.027.400.000	2.635.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**25. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU CỦA NĂM TRƯỚC**

Trong kỳ, Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện kiểm tra báo cáo tài chính năm 2015 vào ngày 3 tháng 11 năm 2016. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số khoản mục trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 do ảnh hưởng chủ yếu của việc điều chỉnh tăng quỹ lương. Chi tiết như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>VND</i> <i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 (được trình bày lại)</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	53.931.240.463	923.166.538	54.854.407.001
Thuế GTGT được khấu trừ	-	276.668.424	276.668.424
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	3.096.505.528	3.924.451.576	7.020.957.104
Phải trả người lao động	35.123.354.437	20.019.166.538	55.142.520.975
Phải trả ngắn hạn khác	70.111.323.287	(2.463.196.667)	67.648.126.620
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	39.995.045.046	(10.522.083.333)	29.472.961.713
Quỹ đầu tư phát triển	6.117.947.922	(1.909.600.000)	4.208.347.922
	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (được trình bày lại)</i>
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Giá vốn hàng bán	(294.332.028.954)	(14.438.565.400)	(308.770.594.354)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(79.719.370.424)	(4.657.434.600)	(84.376.805.024)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(17.764.624.109)	4.201.120.000	(13.563.504.109)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

**26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Trương Thị Thùy Ngân  
Người lập



Nguyễn Thị Xuân Đông  
Phụ trách kế toán



Huỳnh Trí Dũng  
Tổng Giám đốc



Ngày 11 tháng 4 năm 2017



Số: .....3.77...../CV-KTTC

TPHCM, ngày 13 tháng 4 năm 2017

V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của Công ty  
kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2016

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Tại báo cáo kiểm toán ngày 11 tháng 04 năm 2017, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam có nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

1. Như được trình bày tại Thuyết minh số 5 của báo cáo tài chính, bao gồm trong khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng là các khoản phải thu tồn đọng lâu với số tiền là 5.916.387.876 VND. Chúng tôi không thu thập được đối chiếu công nợ hay bằng các thủ tục thay thế khác để xác định liệu có cần điều chỉnh đối với số dư phải thu ngắn hạn của các khách hàng này vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, liên quan đến tính hiện hữu cũng như khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.
2. Như được trình bày tại Thuyết minh số 19.1 của báo cáo tài chính, Công ty đã điều chỉnh giảm doanh thu và các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 6.766.833.121 VND theo các Thông báo từ Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh, quyết toán phần doanh thu mà Công ty đã thực hiện trong những kỳ trước. Tuy nhiên, các thông báo này được gửi trực tiếp cho chủ đầu tư và phê duyệt vào ngày 30 tháng 12 năm 2015 và trong sáu tháng đầu năm 2016. Theo đó, phần doanh thu nêu trên cần được điều chỉnh vào kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.  
Nếu Công ty thực hiện việc điều chỉnh phần doanh thu được quyết toán nêu trên đúng kỳ thì doanh thu và lợi nhuận trước thuế cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 tăng lên với số tiền là 6.766.833.121 VND, đồng thời phải thu ngắn hạn của khách hàng và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình các nội dung trên như sau:

**Về ý kiến ngoại trừ số 1:**

Tổng giá trị phải thu tính đến 31/12/2016 là 151.846.603.483 đồng, Công ty đã thực hiện gửi đề nghị đối chiếu công nợ đến tất cả các Chủ đầu tư theo đúng quy định của nhà nước. Tính đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán, tổng giá trị khoản phải thu đã đối chiếu là 145.930.215.607 đồng chiếm tỷ lệ 96%. Số công nợ còn lại, mặc dù đã

tích cực đôn đốc nhưng vẫn chưa nhận được sự phản hồi của chủ đầu tư. Công ty sẽ tiếp tục làm việc với chủ đầu tư để xác nhận số công nợ này.

**Về ý kiến ngoại trừ số 2:**

Do Công ty chưa được quyết toán chuyển thể doanh nghiệp Nhà nước từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 từ các cơ quan có thẩm quyền theo như quy định tại Thông tư 127.

Vì thế trên cơ sở ngoại trừ của Kiểm toán, Công ty sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh số liệu này cho phù hợp với kỳ kế toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

